

ふりがな	日本語	English	tiếng việt	中国（簡体）	Россия
いらすと	イラスト	Illustration	minh họa	插图	иллюстрация
いんたーねっと	インターネット	Internet	Internet	因特网	интернет
ういんどろ	ウィンドウ	Window	cửa sổ	窗口	окно
かーそる	カーソル	Cursor	con trỏ	光标	курсор
きーぼーど	キーボード	Keyboard	Bàn phím	键盘	клавиатура
きごう	記号	Symbol	ký hiệu	符号	условное обозначение
くいっくあくせすつーるばー	クイックアクセスツールバー	Quick access toolbar	Thanh công cụ truy cập nhanh	快捷工具栏	Панель быстрого доступа
くりっく	クリック	Click	nhấp chuột	点击	щелчок
ぐるーぷ	グループ	Group	nhóm	组	группа
こまんど	コマンド	Command	chỉ huy	命令	команда
こまんどぼたん	コマンドボタン	Command button	Nút lệnh	命令按钮	Командная кнопка
さいへんかん	再変換	Reconversion	Reconversion	复原	реконверсия
しゃっとだうん	シャットダウン	Shut down	tắt	关掉	неисправность
しょうきよ	消去	Erase	Xóa	抹去	стирать
しょーとかつときー	ショートカットキー	Shortcut key	Phím tắt	快捷键	Быстрая клавиша
ずーむ	ズーム	Zoom	thu phóng	放大	зум
すくろーる	スクロール	Scroll	cuộn	滚动	свиток
ずけい	図形	Shape	Hình dạng	形状	форма
すてーたすばー	ステータスバー	Status bar	Thanh trạng thái	状态栏	Статус бар
すぺーす	スペース	Space	không gian	空间	пространство
そふどうえあ	ソフトウェア	Software	Phần mềm	软件	Программного обеспечения
たいとるばー	タイトルバー	Title bar	Thanh tiêu đề	标题栏	Заголовок
たすくばー	タスクバー	Task bar	Thanh tác vụ	任务栏	Панель задач
たぶ	タブ	Tab	chuyển hướng	标签	табуляция
だぶるくりっく	ダブルクリック	Double click	Nhấn đúp chuột	双击	Двойной щелчок